

TOÁN 4

Bài 6

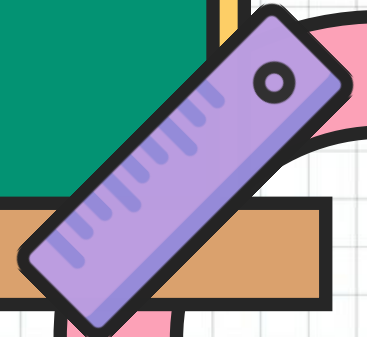
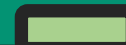
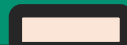
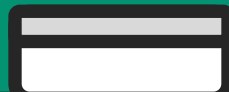


KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP CHUNG

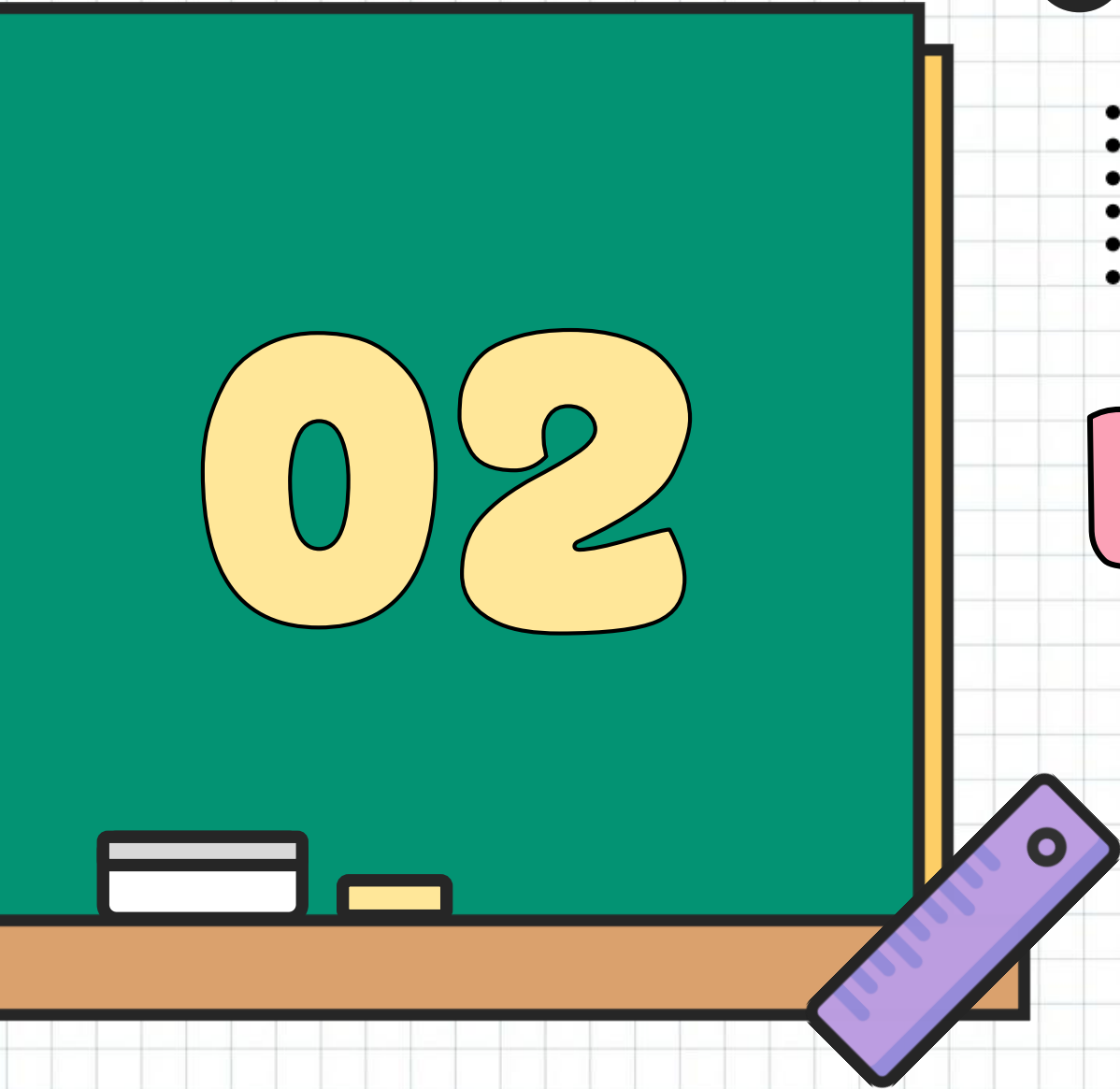
TIẾT 2

TRANG 21



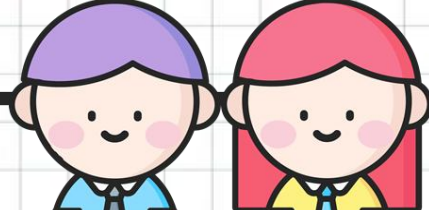
01

KHỞI ĐỘNG



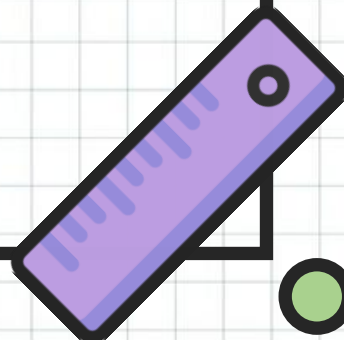
02

LUYỆN TẬP



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Tính được biểu thức chứa hai, ba chữ.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Xác định được số chẵn, số lẻ.



BÀI 1 - Đặt tính rồi tính và thử lại (theo mẫu)

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 10\ 145 \\ \times \quad 6 \\ \hline 62\ 490 \end{array}$$

Thử lại:

$$62\ 490 : 6 = 10\ 415$$

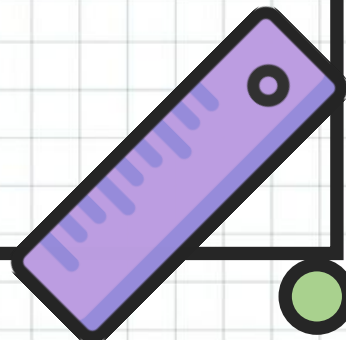
$$\begin{array}{r|l} 45\ 759 & 5 \\ \hline 07 & 9\ 151 \\ 25 & \\ 09 & \\ 4 & \end{array}$$

Thử lại:

$$9\ 151 \times 5 + 4 = 45\ 759$$

a) $8\ 413 \times 7$

b) $56\ 732 : 8$



BÀI 1 - Đặt tính rồi tính và thử lại (theo mẫu)

a $8\,413 \times 7$

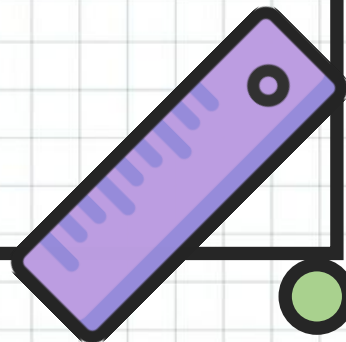
$$\begin{array}{r} 8\,413 \\ \times \quad 7 \\ \hline 58\,891 \end{array}$$

Thử lại:
 $58\,891 : 7 = 8\,413$

b $56\,732 : 8$

$$\begin{array}{r|l} 56\,732 & 8 \\ 0\,73 & 7\,091 \\ 12 & \\ 4 & \end{array}$$

Thử lại:
 $7\,091 \times 8 + 4 = 56\,732$



BÀI 2 - TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC

a) $a + b - 135$ với $a = 539$ và $b = 243$

Với $a = 539$ và $b = 243$ ta có:

$$\begin{aligned} a + b - 135 &= 539 + 243 - 135 \\ &= 782 - 135 \\ &= 647 \end{aligned}$$

b) $c + m \times n$ với $c = 2\,370$, $m = 105$ và $n = 6$

Với $c = 2\,370$, $m = 105$ và $n = 6$, ta có:

$$\begin{aligned} c + m \times n &= 2\,370 + 105 \times 6 \\ &= 2\,370 + 630 \\ &= 3\,000 \end{aligned}$$

Em hãy nhắc lại các cách thực hiện tính giá trị của biểu thức chứa chữ = 3 000



BÀI 3 – Mai mua 1 bút mực và 5 quyển vở. Mỗi bút mực giá 8 500 đồng, mỗi quyển vở giá 6 500 đồng. Mai đưa cho cô bán hàng tờ tiền 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàn phải trả lại Mai bao nhiêu tiền?

Bà...



Số tiền của 5 quyển vở là:

$$6\,500 \times 5 = 32\,500 \text{ (đồng)}$$

Số tiền mua 1 bút mực và 5 quyển vở là:

$$8\,500 + 32\,500 = 41\,000 \text{ (đồng)}$$

Cô bán hàng trả lại Mai số tiền là:

$$50\,000 - 41\,000 = 9\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 9 000 đồng

**Thảo luận nhóm đôi,
tìm cách giải bài toán**

BÀI 4 - TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC

$$a) (13\ 640 - 5\ 537) \times 8$$

$$= 8\ 103 \times 8$$

$$= 64\ 824$$

$$b) 27\ 164 + 8\ 470 + 1\ 230$$

$$= 35\ 634 + 1\ 230$$

$$= 36\ 864$$

**Em hãy nêu thứ tự
thực hiện các
biểu thức trên**



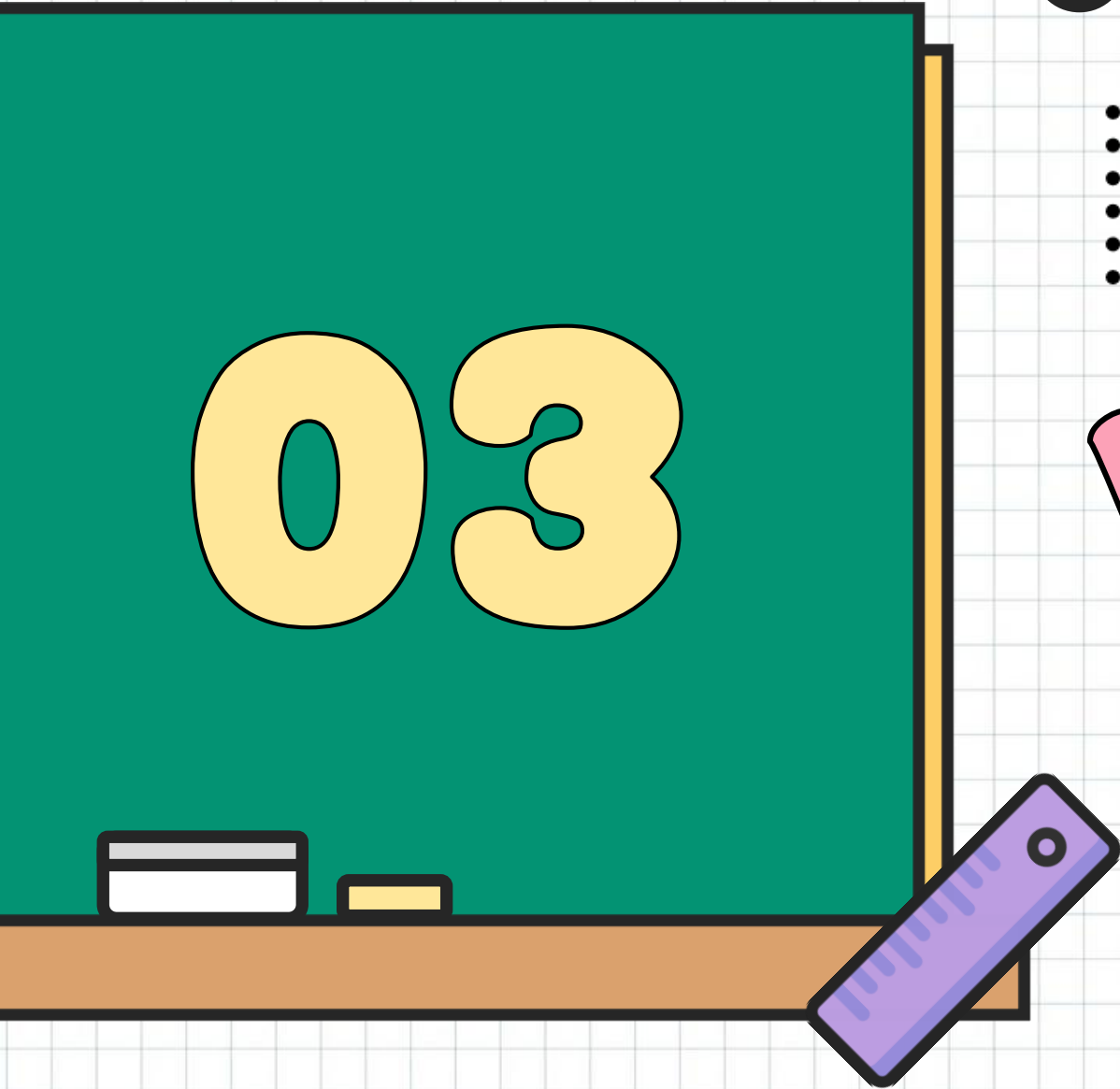
BÀI 5 - Trong một chuyến du lịch:
Việt hỏi: Chị Hoa ơi, năm nay chị bao nhiêu tuổi?
Chị Hoa trả lời: Năm nay, tuổi của chị là số lẻ bé nhất có hai chữ số.
Em hãy cùng Việt tìm tuổi của chị Hoa năm nay.

Số bé nhất có 2 chữ số có chữ số hàng chục là chữ số nào?

Để có số lẻ bé nhất thì chữ số hàng đơn vị phải là chữ số nào?

Vậy năm nay chị Hoa **11 tuổi**





03

VẬN DỤNG

Cho biểu thức $k - 10 \times 5$. Hỏi:

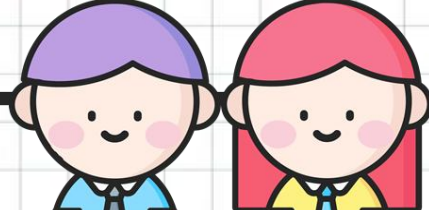
- a) Khi $k = 1000$ thì biểu thức có giá trị bằng bao nhiêu?
b) Tìm giá trị của k để biểu thức có giá trị bằng số lớn nhất có bốn chữ số

a) Với $k = 1\,000$, ta có : $1\,000 - 10 \times 5 = 1\,000 - 50$
 $= 950$

b) Số lớn nhất có 4 chữ số là 9 999.
Giá trị của k để biểu thức có giá trị bằng 9 999 là:

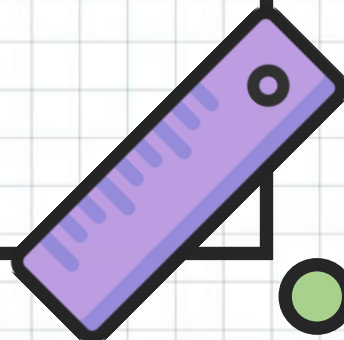
$$9\,999 + 10 \times 5 = 10\,049$$

Làm việc nhóm 4



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Tính được biểu thức chứa hai, ba chữ.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.
- Tính được giá trị biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.
- Xác định được số chẵn, số lẻ.



TAM BIẾT CÁC CÒN

